



## CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY\*

HẠNH PHÚC

Trong tiến trình phát triển chung của đất nước theo định hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập, vùng dân tộc thiểu số nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức. Do vậy, việc nghiên cứu để xác định thực trạng, chỉ ra cơ hội và thách thức của vùng này, từ đó đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện chính sách về dân tộc và miền núi là việc làm cần thiết. Trong bối cảnh ấy, cuốn sách *Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay* của Viện Dân tộc do Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc ấn hành là một đóng góp.

Ngoài Lời nói đầu và Phụ lục, sách được cơ cấu thành 4 chương: Chương I: Tổng quan về tình hình dân số, kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số ở nước ta; Chương II: Một số vấn đề phương pháp luận cho việc nghiên cứu, dự báo cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số trong điều kiện Việt Nam là thành viên của WTO; Chương III: Cơ hội và thách thức đối với một số ngành nghề ở vùng dân tộc thiểu số khi Việt Nam gia nhập WTO; và Chương IV: Một số yêu cầu đổi mới trong bối cảnh hội nhập.

Do xuất phát điểm thấp, thường sống phân tán ở những vùng miền núi có địa hình chia cắt phức tạp, cơ sở hạ tầng thấp kém, trình độ phát triển kinh tế - xã hội chậm phát

triển và phát triển không đồng đều giữa các dân tộc nên đời sống của các dân tộc thiểu số nước ta gặp rất nhiều khó khăn. Nhận thức được tầm quan trọng của vùng miền núi trong sự ổn định và phát triển của đất nước và nhằm thiết lập công bằng xã hội giữa các vùng, các dân tộc trong cả nước, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chính sách, cơ chế, chương trình, dự án và kế hoạch hàng năm. Trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi phục vụ sản xuất và đời sống; hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm xoá đói giảm nghèo. Cuốn sách dành nhiều dung lượng trong Chương I cho việc mô tả và phân tích những thành tựu và hạn chế của công cuộc phát triển kinh tế nói chung, xoá đói giảm nghèo nói riêng ở vùng miền núi. Sự nhấn mạnh này cũng là điều hợp lý bởi lẽ xoá đói giảm nghèo “là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế” của Việt Nam được quốc tế thừa nhận, nhưng nó vẫn là câu chuyện chưa có hồi kết và có nhiều biến động trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Sự phát triển kinh tế cũng tác động nhiều đến tình hình xã hội. Nhóm tác giả cũng chỉ ra rằng sự phát triển kinh tế không

\* Viện Dân tộc (2009), *Cơ hội và thách thức đối với vùng dân tộc thiểu số hiện nay*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 339 trang, khổ 14,5 cm x 20,5 cm.

đồng đều giữa các vùng, các nhóm xã hội đã dẫn đến tình trạng phân tầng xã hội ngày càng trở nên sâu sắc giữa vùng dân tộc, miền núi và các vùng phát triển trong cả nước bắt chắp các nỗ lực điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Rõ ràng tuy không đề cập trực diện đến kinh tế nhưng hầu hết những dẫn luận mà các tác giả đưa ra để bàn về các vấn đề liên quan đến xã hội ở vùng miền núi và minh chứng cho những luận điểm của họ đều gắn với kinh tế, thu nhập, tỷ lệ đói nghèo giữa các vùng và các nhóm xã hội. Điều này một lần nữa càng khẳng định tầm quan trọng và ảnh hưởng to lớn của phát triển kinh tế và sự điều tiết của Nhà nước đối với tình hình phát triển mọi mặt của cả nước.

Trong Chương II, nhóm tác giả đã phân tích hệ thống WTO và những điều khoản, các quy tắc của tổ chức này cũng như những vấn đề chung có tính phương pháp luận cho nhiệm vụ của khoa học xã hội Việt Nam. Đặc biệt là nhóm tác giả đã chỉ ra những đặc điểm của vùng dân tộc thiểu số, từ đó thấy được tác động của WTO đến vùng này và gợi ý những giải pháp cần thiết để vùng này có thể tận dụng được cơ hội và vượt qua được thách thức.

Phát triển kinh tế, với sự đa dạng nguồn sống, ngành nghề dường như vẫn là một trong những mối quan tâm và quan trọng hàng đầu đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Lấy miền núi phía Bắc làm điểm khảo cứu về những cơ hội và thách thức đối với ngành nông nghiệp, các tác giả từ đó đã đưa ra cái nhìn tổng quát về cơ hội và thách thức đối với cả nước nói chung. Bên cạnh nông nghiệp, những ngành nghề khác như thương mại và thị trường

miền núi, nghề thủ công truyền thống, du lịch vùng dân tộc thiểu số và miền núi cũng được thảo luận và đề xuất cho phát triển lâu dài và bền vững.

Chương kết của cuốn sách đã nêu bật những yêu cầu đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam và bài học kinh nghiệm, từ đó các tác giả đề xuất những giải pháp trước mắt và lâu dài cho một sự cải tổ để hướng đến sự hội nhập thành công ở những khu vực “yếu thế” của đất nước.

Bên cạnh ưu điểm kể trên, cuốn sách vẫn còn hạn chế nhất định. Cụ thể là phần đặc điểm dân số, địa bàn cư trú và phân bố của các dân tộc thiểu số ở nước ta trong Chương I còn khái lược. Ngoài ra, mặc dù đã có phần lý giải cho việc chọn mẫu nghiên cứu điểm ở phần đầu của Chương II nhưng xét về nhiều chiều cạnh, do miền núi Việt Nam khá đa dạng nên lấy vùng miền núi phía Bắc làm điểm soi chiếu dường như chưa thuyết phục. Thế mạnh và hạn chế về lâm nghiệp, cuộc sống gắn với rừng của nhiều dân tộc vẫn chưa được nghiên cứu đúng mức trong Chương III của công trình này.

Xét tổng thể, cuốn sách đã đề cập đến nhiều vấn đề của vùng dân tộc thiểu số, cho dù đôi chỗ chưa thật sự thoả đáng và ít nhiều có sự chòng chéo/ trùng lặp lẫn nhau. Dù sao, cuốn sách cũng là một nguồn tham khảo có giá trị cho việc nhận diện những cơ hội và thách thức của vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số ở nước ta, từ đó chỉ ra những nhu cầu về đổi mới cho sự phát triển lâu dài và bền vững ở khu vực này, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay.